TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS–ST
Ngày 07-5-2025.
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miêng.
2. Ông Trần Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phú Quí– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2024/TLST–DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐST–DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp AHB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1969 và bà Mai Thị C, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp AHB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Vân có yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh N và chị C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2018 đến tháng 5 năm 2023 anh N và chị C nhiều lần mua thuốc và thức ăn để phục vụ cho việc nuôi tôm công nghiệp cho gia đình. Hình thức mua bán các bên không làm hợp đồng mua bán nhưng mỗi lần giao hàng thì chị T có lập hóa đơn, anh N và chị C ký nhận vào hóa đơn. Khi mua bán các bên thỏa

thuận: chị T bao thức ăn, thuốc đến cuối vụ, khi nào anh N và chị C thu hoạch thì sẽ thanh toán hết cho chị T. Tuy nhiên, có những vụ anh N và chị C thua lỗ, chị T vẫn bán tiếp cho anh N và chị C. Tính đến này 17/5/2023 thì anh N và chị C nợ chị T số tiền là 299.674.000 đồng. Sau đó, chị T nhiều lần yêu cầu anh N và chị C thanh toán nợ cho chị T nhưng anh N cứ hứa nhiều lần nhưng không thực hiện.

Chị T yêu cầu anh N có nghĩa vụ giao trả cho chị T số tiền là 299.674.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/11/2024 đến ngày 06/5/2025 là 06 tháng x 0,83%x 299.674.000 đồng = 14.932.765 đồng.

Chị T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với chị C về việc yêu cầu chị C phải có nghĩa vụ liên đới với anh N trả số tiền nêu trên cho chị T. Việc này là do chị T hoàn toàn tự nguyện.

Bị đơn anh Lê Văn N và chị Mai Thị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu chị Mai Thị C phải có nghĩa vụ liên đới với anh Lê Văn N trả cho chị T số tiền 299.674.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0,83%/tháng tính từ ngày khởi kiện cho đến khi nào Tòa án giải quyết xong vụ án. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Buộc anh Lê Văn N có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền là 314.606.765 đồng, trong đó nợ gốc là 299.674.000 đồng và nợ lãi là 14.932.765 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Văn N và chị Mai Thị C cư trú tại ấp AH, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của chị T về việc tự nguyện toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với chị Mai Thị C. Xét thấy: việc rút yêu cầu khởi kiện này chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tố tụng:

- Bà Đào Hồng V có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Vân.

- Bị đơn anh Lê Văn N và chị Mai Thị C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N và chị C đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị C.

[5] Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc hóa đơn ngày 17/5/2023 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong qúa trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn N đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Toà án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị Ngọc T giao nộp để xét xử vụ án.

[6] Nội dung vụ án: Chị T yêu cầu anh N và chị C có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị T số tiền là 299.674.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/11/2024 đến ngày 07/5/2025 là 06 tháng x 0,83%x 299.674.000 đồng = 14.932.765 đồng.

[7] Xét yêu cầu của chị T, xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định, hợp đồng mua bán giữa được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng anh N đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên buộc anh N phải có nghĩa vụ trả cho chị T nợ gốc là 299.674.000 đồng và nợ lãi 14.932.765 đồng là phù hợp.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 218, 219, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu chị Mai Thị C phải có nghĩa vụ liên đới với anh Lê Văn N trả cho chị T số tiền 299.674.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0,83%/tháng tính từ ngày khởi kiện cho đến khi nào Tòa án giải quyết xong vụ án.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Buộc anh Lê Văn N có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền là 314.606.765 đồng, trong đó nợ gốc là 299.674.000 đồng và nợ lãi là 14.932.765 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T được C Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.491.850 đồng theo biên lai thu số 0005906 ngày 28 tháng 10 năm 2024.

- Anh Lê Văn N phải nộp là 15.730.338 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- C cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân